TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2026/HNGĐ-ST
Ngày 09-3-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Nhàn

2. Ông Vũ Văn Thi

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Anh Thư - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân khu vực 2 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 161/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2025 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2026/QĐXX-ST ngày 13/01/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13/02/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Kim D; địa chỉ: Tổ dân phố L, phường A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Bị đơn: Anh Cao Văn T; địa chỉ: Tổ dân phố L, phường A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong Đơn khởi kiện ngày 04 tháng 11 năm 2025 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Bùi Thị Kim D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng xây dựng hạnh phúc với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng năm 2005. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp và không tin tưởng nhau nên cuộc sống không có hạnh phúc; đã sống ly thân từ năm 2021. Nay thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng nên chị đề nghị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Cao Phương A sinh năm 2006, Cao Thành Đ sinh năm 2014. Khi ly hôn chị D để cho anh T trực tiếp nuôi con Cao

Thành Đ; con Cao Phương A đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu giải quyết.

Lời khai tại tòa án ngày 09/3/2026, bị đơn Cao Văn T trình bày: Thống nhất với trình bày của chị D về quan hệ hôn nhân và tình trạng mâu thuẫn cũng như con chung và việc nuôi con chung như hiện nay; tuy nhiên anh muốn chị D có mặt tại Tòa án thì mới đồng ý ly hôn. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh nhận trách nhiệm nuôi 2 con vì anh vẫn nuôi các con từ khi vợ chồng ly thân; không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Quá trình chung sống vợ chồng có tài sản chung nhưng anh không yêu cầu giải quyết trong vụ án này và sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án chia tài sản chung sau khi ly hôn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Kim D và anh Cao Văn T; về con chung, giao con Cao Thành Đ cho anh T nuôi; nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: Theo điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì nơi bị đơn cư trú thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng.

[2] Về tố tụng:

[2.1] Nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn có mặt tại Tòa án nhưng không tham dự phiên tòa. Việc anh T yêu cầu chị D phải có mặt tại phiên tòa là không cần thiết. Căn cứ Điều 238 của BLTTDS Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2.2] Về sự tham gia của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, anh T có đơn mời luật sư của Văn Phòng L để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và đã được Tòa án chấp nhận. Tuy nhiên hai bên đã tự nguyện thanh lý hợp đồng và thông báo cho Tòa án biết; do vậy Tòa án không đưa luật sư của Văn Phòng L tham gia tố tụng trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị D và anh T được UBND UBND xã N, huyện A cấp chứng nhận kết hôn số 69 ngày 30/12/2005 nên hợp pháp. Vợ chồng chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và ly thân nhau. Xét mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, thỏa mãn những

căn cứ cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D.

[4] Về con chung: Chị D, anh T có con như chị D trình bày ở trên là đúng. Con Cao Phương A đã đủ tuổi trưởng nên không ai phải nuôi; con Cao Thành Đ đang do anh T nuôi và có nguyện vọng được ở với anh T, được chị D đồng ý. Vậy cần giao con Cao Thành Đ cho anh T nuôi con là bảo đảm được quyền lợi về mọi mặt cũng như nguyện vọng của con.

[5] Về tài sản chung: Không bên nào yêu cầu giải quyết nên không xét.

[6] Về án phí: Chị D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147 và khoản 1 Điều 227, các điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Kim D và anh Cao Văn T.

Về con chung: Giao con Cao Thành Đ sinh ngày 03/7/2014 cho anh Cao Văn T trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không bên nào yêu cầu nên không xét.

Về tài sản chung: Không bên nào yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị Kim D phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 7348 ngày 01/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị D đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 2 - Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND phường An Dương, TP Hải Phòng (ĐKKH số 69/2005;
- Đương sự;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Dũng